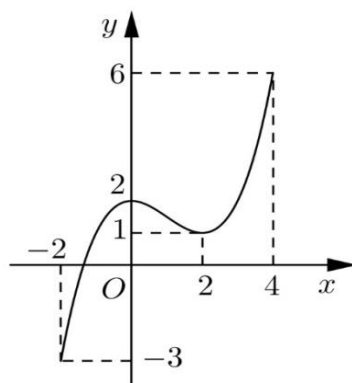


Câu 1: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên đoạn $[-2; 4]$ và có đồ thị như hình vẽ. Giá trị lớn nhất của hàm số $y = f(x)$ trên đoạn $[-2; 4]$ bằng



A. 2.

B. 6.

C. 3.

D. 4.

Câu 2: Cho khối chóp có đáy là hình vuông cạnh a và chiều cao bằng $3a$. Thể tích khối chóp đã cho bằng

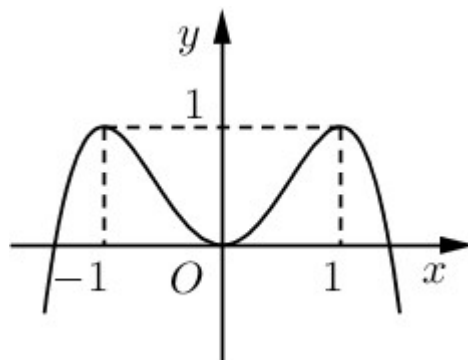
A. $3a^3$.

B. $\frac{3}{2}a^3$.

C. a^3 .

D. $\frac{1}{2}a^3$.

Câu 3: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ.



Hàm số $y = f(x)$ nghịch biến trong khoảng nào trong các khoảng sau đây ?

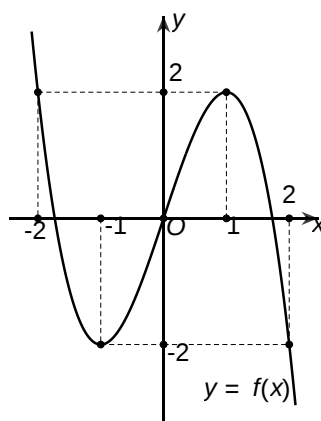
A. $(1; +\infty)$.

B. $(0; +\infty)$.

C. $(-\infty; -1)$.

D. $(-1; 1)$.

Câu 4: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ



Hàm số $y = f(x)$ đồng biến trong khoảng nào trong các khoảng sau đây ?

A. $(-\infty; 2)$.

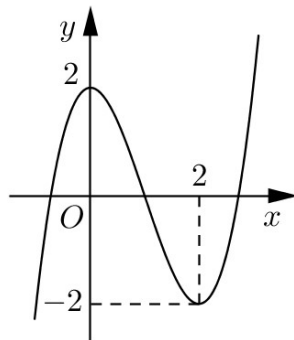
B. $(-1; 1)$.

C. $(0; 2)$.

D. $(1; +\infty)$.

Câu 5: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ. Gọi m và M lần lượt là giá trị nhỏ nhất và

giá trị lớn nhất của hàm số $f(x)$ trên đoạn $[0; 2]$. Khẳng định nào sau đây **đúng** ?



A. $m + M = 2$.

B. $m + M = -2$

C. $m + M = 0$.

D. $m + M = 4$.

Câu 6: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên $\mathbb{R} \setminus \{-1\}$ và có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	-1	1	$+\infty$		
y'	+		+	0	-	
y	1		3	$-\infty$	2	-1

Giá trị lớn nhất của hàm số đã cho bằng

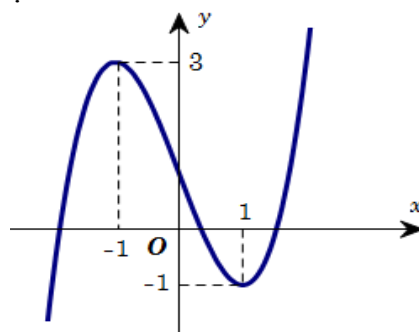
A. 2.

B. 1.

C. Không tồn tại.

D. 3.

Câu 7: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ



Giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên đoạn $[-1; 1]$ bằng

A. -1.

B. 3.

C. 2.

D. 0.

Câu 8: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu của đạo hàm như sau

x	$-\infty$	1	2	3	4	$+\infty$			
$f'(x)$	$-$	0	$+$	0	$+$	0	$-$	0	$+$

Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị ?

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 9: Hàm số $y = \frac{x+1}{x-2}$ nghịch biến trên tập hợp nào trong các tập hợp sau đây ?

A. $(-2; +\infty)$.

B. $(-\infty; +\infty)$.

C. $(-\infty; 2)$.

D. $(-\infty; 2) \cup (2; +\infty)$.

Câu 10: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	-2	0	2	$+\infty$			
y'		$+$	0	$-$	0	$+$	0	$-$
y								
			3	-1	3			
	$-\infty$							$-\infty$

Hàm số đã cho đồng biến trong khoảng nào trong các khoảng sau đây ?

A. $(0; 2)$.

B. $(0; +\infty)$.

C. $(-\infty; 3)$.

D. $(-1; 3)$.

Câu 11: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$		0		1		$+\infty$
y'		-	0	+	0	-	
y	$+\infty$				5		$-\infty$

Giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho bằng

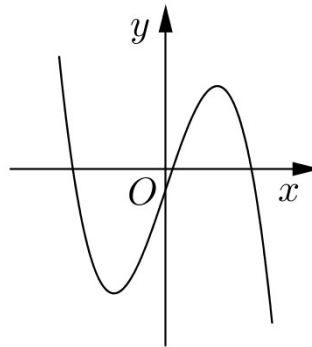
A. 5.

B. 1.

C. 4.

D. Không tồn tại.

Câu 12: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Đồ thị hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị ?

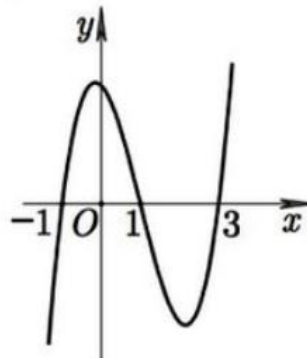
A. 2.

B. 1.

C. 0.

D. 3.

Câu 13: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số $y = f(x)$ đồng biến trong khoảng nào ?

A. $(1; +\infty)$.

B. $(-1; 1)$.

C. $(-\infty; 0)$.

D. $(2; +\infty)$.

Câu 14: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$		1		$+\infty$
$f(x)$			$+\infty$		5

Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị ?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 0.

Câu 15: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$
y'	$+$	0	$-$	0	$-$
y	$-\infty$	-1	-2	-1	$-\infty$

Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực tiểu ?

- A. 0. B. 2. C. 3. D. 1.

Câu 16: Cho khối lăng trụ có đáy là hình vuông cạnh $2a$ và chiều cao bằng $3a$. Thể tích của khối lăng trụ đã cho bằng

- A. $4a^3$. B. $6a^3$. C. $2a^3$. D. $12a^3$.

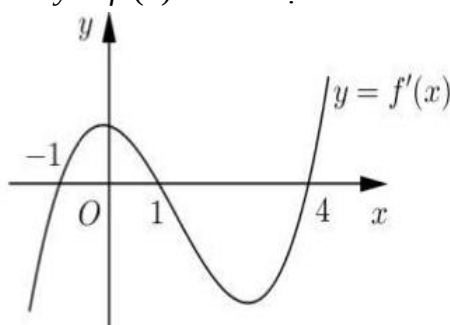
Câu 17: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	0	1	$+\infty$
$f'(x)$	$-$	$-$	0	$+$
$f(x)$	$+\infty$	$+\infty$	-2	$+\infty$

Hàm số $y = f(x)$ nghịch biến trong khoảng nào trong các khoảng sau đây ?

- A. $(-2; +\infty)$. B. $(-\infty; 1)$. C. $(1; +\infty)$. D. $(0; 1)$.

Câu 18: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số $y = f(x)$ nghịch biến trong khoảng nào ?

- A. $(1; 4)$. B. $(-1; 1)$. C. $(0; 3)$. D. $(-\infty; 0)$.

Câu 19: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu đạo hàm như sau

x	$-\infty$	-1	1	4	$+\infty$
$f'(x)$	$-$	0	$+$	0	$+$

Hàm số $y = f(x)$ đồng biến trong khoảng nào ?

- A. $(4; +\infty)$. B. $(-\infty; -1)$. C. $(1; +\infty)$. D. $(-1; 4)$.

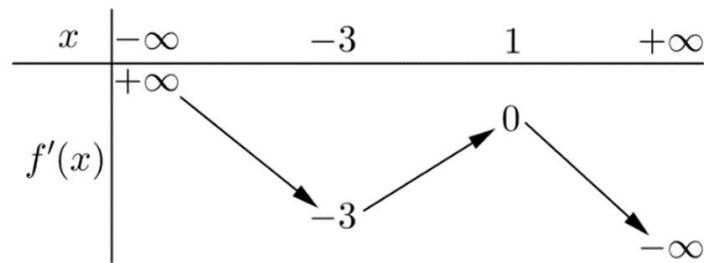
Câu 20: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	-2	0	2	$+\infty$
$f'(x)$	$-$	0	$+$	0	$+$
$f(x)$	$+\infty$	-2	1	-2	$+\infty$

Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị ?

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 21: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có bảng biến thiên như sau



Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị ?

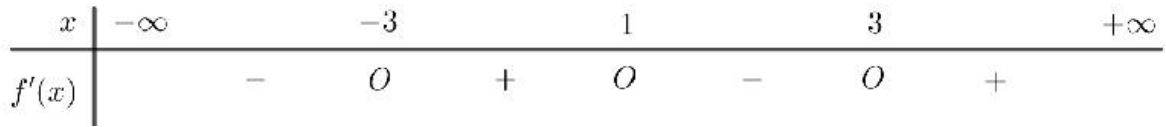
A. 2.

B. 1.

C. 3.

D. 0.

Câu 22: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu của đạo hàm như sau



Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm **cực tiểu** ?

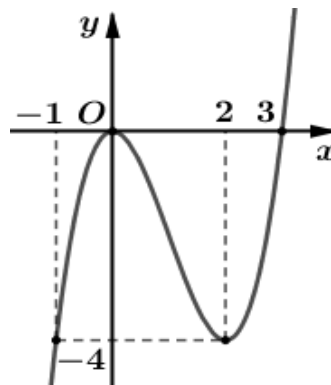
A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

Câu 23: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ



Giá trị lớn nhất của hàm số đã cho trên đoạn $[-1; 2]$ bằng

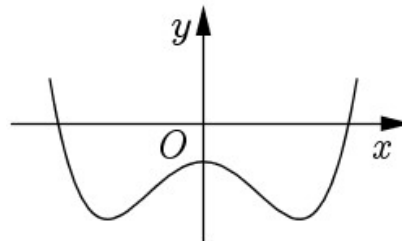
A. -1.

B. 2.

C. 0.

D. -4.

Câu 24: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Đồ thị hàm số đã cho có bao nhiêu điểm **cực đại** ?

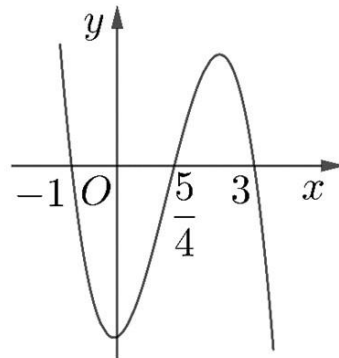
A. 2.

B. 1.

C. 0.

D. 3.

Câu 25: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị ?

A. 3.

B. 2.

C. 4.

D. 1.

Câu 26: Cho khối lăng trụ có đáy là tam giác đều cạnh a và chiều cao bằng $4a$. Thể tích của khối lăng trụ đã cho bằng

A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$.

B. $2a^3\sqrt{3}$.

C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$.

D. $a^3\sqrt{3}$.

Câu 27: Cho hình chóp lục giác đều có cạnh đáy bằng 1, chiều cao bằng 4. Thể tích của khối chóp đã cho bằng

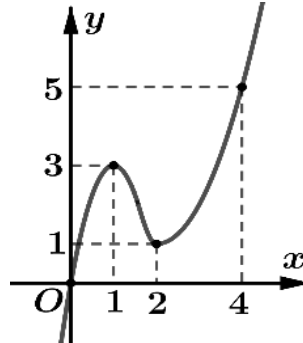
A. $2\sqrt{3}$.

B. $6\sqrt{3}$.

C. $\frac{2\sqrt{3}}{3}$.

D. $\frac{\sqrt{3}}{3}$.

Câu 28: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Gọi M và m lần lượt là giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = f(x+1)$ trên đoạn $[0;1]$. Giá trị $M + m$ bằng

A. 6.

B. 4.

C. 8.

D. 3.

Câu 29: Cho khối chóp có đáy là tam giác vuông cân có cạnh huyền bằng $\sqrt{2}$ và chiều cao bằng 3. Thể tích của khối chóp bằng

A. $\frac{1}{6}$.

B. 1.

C. $\frac{3}{2}$.

D. $\frac{1}{2}$.

Câu 30: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông cạnh 1, $SA \perp (ABCD)$, $SA = 2$. Khoảng cách từ điểm A đến mặt phẳng (SCD) bằng

A. $\frac{1}{\sqrt{5}}$.

B. $\frac{1}{2}$.

C. $\frac{2}{\sqrt{5}}$.

D. $\frac{\sqrt{5}}{2}$.

Câu 31: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu đạo hàm như sau

x	$-\infty$	-1	1	4	$+\infty$
$f'(x)$	$-$	0	$+$	0	$+$

Hàm số $y = f(1-2x)$ nghịch biến trong khoảng nào trong các khoảng sau đây ?

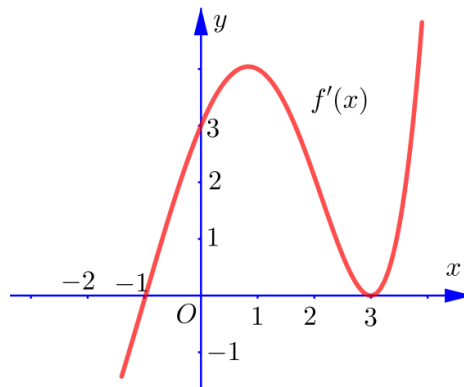
A. $(0;1)$.

B. $(1;+\infty)$.

C. $\left(-\frac{3}{2};0\right)$.

D. $(0;+\infty)$.

Câu 32: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số $y = f(x+1)$ có bao nhiêu điểm cực trị ?

A. 1.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

Câu 33: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông cạnh a , $SA \perp (ABCD)$, $SA = a\sqrt{6}$. Góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng $(ABCD)$ bằng

- A. 120° . B. 30° . C. 60° . D. 45°

Câu 34: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác vuông tại B , $AB = 1$, $SA \perp (ABC)$, $SA = 1$. Khoảng cách từ điểm A đến mặt phẳng (SBC) bằng

- A. $\sqrt{2}$. B. $\frac{\sqrt{2}}{2}$. C. 1. D. $\frac{1}{2}$.

Câu 35: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

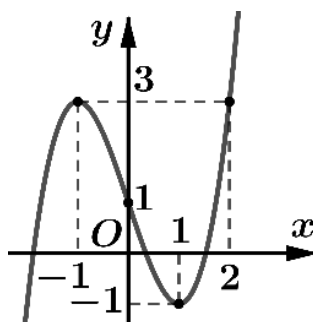
x	$-\infty$		-1		0		1		$+\infty$
y'		-	0	+	0	-	0	+	
y	$+\infty$				3				$+\infty$

$\swarrow$ $\nearrow$ $\searrow$ $\nearrow$
 -2 -2

Hàm số $y = f(3x-1)$ đạt cực đại tại điểm nào trong các điểm sau đây ?

- A. $x = \frac{1}{3}$. B. $x = 0$. C. $x = \frac{2}{3}$. D. $x = 1$

Câu 36: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị hàm số như hình vẽ sau



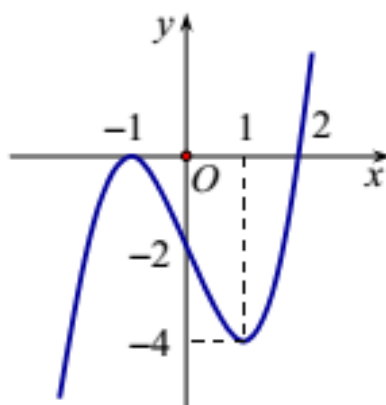
Gọi m , M lần lượt là giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của hàm số $y = f(2x^3 + x - 1)$ trên đoạn $[0; 1]$. Giá trị của $M - m$ bằng

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 37: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình chữ nhật, $AB = 1$, $AD = \sqrt{2}$, $SA \perp (ABCD)$, $SA = 2$. Gọi α là góc giữa hai mặt phẳng (SBD) và $(ABCD)$. Giá trị của $\tan \alpha$ bằng

- A. $\frac{2}{\sqrt{3}}$. B. $\sqrt{6}$. C. $\frac{\sqrt{6}}{2}$. D. $\frac{4}{\sqrt{3}}$.

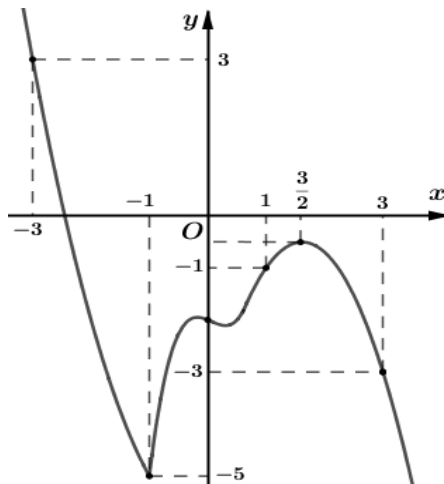
Câu 38: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ



Gọi S là tập tất cả các giá trị nguyên của tham số m thỏa mãn $m \in (-10; 10)$ sao cho hàm số $y = f(x-m)$ đồng biến trên khoảng $(-2; 0)$. Số phần tử của tập S là

- A. 6. B. 5. C. 7. D. 9.

Câu 39: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Tìm tham số m để giá trị lớn nhất của hàm số $y = f(x^3 - 3x + 1) + m$ trên đoạn $[-2; 0]$ bằng $\frac{3}{2}$.

- A. $m = 2$. B. $m = -\frac{3}{2}$. C. $\frac{5}{2}$. D. $\frac{9}{2}$.

Câu 40: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình chữ nhật, $AB = a$, $AD = a\sqrt{2}$, $SA \perp (ABCD)$, $SA = \frac{a\sqrt{6}}{3}$. Góc giữa hai đường thẳng BC và SD bằng

- A. 90° . B. 60° . C. 45° . D. 30° .

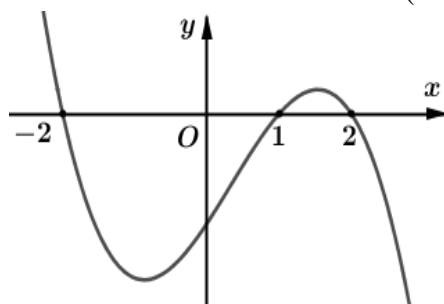
Câu 41: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác vuông tại B , $AB = 1$, $AC = 2$, $SA = SB = SC = 2$. Gọi α là góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng (SAB) . Giá trị của $\sin \alpha$ bằng

- A. $\frac{\sqrt{3}}{4}$. B. $\frac{\sqrt{3}}{2\sqrt{5}}$. C. $\frac{\sqrt{3}}{2}$. D. $\frac{\sqrt{3}}{\sqrt{5}}$.

Câu 42: Cho hình lăng trụ tam giác đều $ABC.A'B'C'$ có $AB = a$, $AA' = a\sqrt{3}$. Gọi α là góc giữa hai đường thẳng $A'B$ và $B'C$. Giá trị của $\cos \alpha$ bằng

- A. $\frac{\sqrt{3}}{2}$. B. $\frac{5}{8}$. C. $\frac{7}{8}$. D. $\frac{1}{2}$.

Câu 43: Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm trên $\mathbb{R}$. Hàm số $y = f'(3x - 1)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số $f(x)$ đồng biến trên khoảng nào sau đây?

- A. $(2; 6)$. B. $(-\infty; -7)$. C. $(-\infty; -6)$. D. $(1; 5)$.

Câu 44: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác vuông tại B , $AB = 1$, $AC = 2$, $SA = SB = SC = 2$. Góc giữa đường thẳng SB và mặt phẳng (ABC) bằng

- A. 30° . B. 90° . C. 45° . D. 60° .

Câu 45: Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm trên $\mathbb{R}$. Biết rằng hàm số $y = f'(3 - 2x)$ có bảng xét dấu như sau

x	$-\infty$	$-\frac{1}{2}$	$\frac{5}{2}$	3	4	$+\infty$		
$f''(3-2x)$		$-$	0	$+$	0	$-$	0	$+$

Hàm số $y = f(x)$ có bao nhiêu điểm cực đại ?

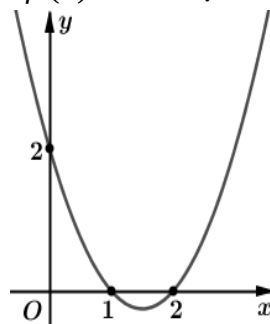
A. 3.

B. 1.

C. 0.

D. 2.

Câu 46: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số $y = f(x^2 - 2x)$ có bao nhiêu điểm cực trị ?

A. 3.

B. 2.

C. 5.

D. 4.

Câu 47: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình chữ nhật, $AB = 1$, $AD = \sqrt{2}$, $SA \perp (ABCD)$, $SA = 3$. Gọi M là trung điểm của AD . Khoảng cách giữa hai đường thẳng BM và SC bằng

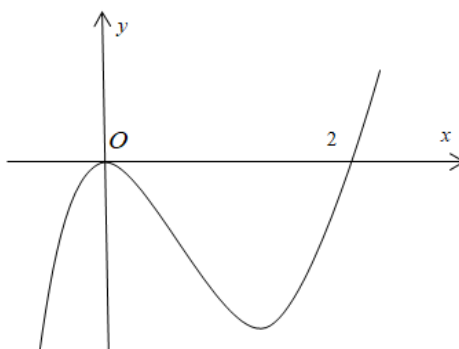
A. $\frac{3}{2}$.

B. $\frac{3}{4}$.

C. 1.

D. $\frac{3}{\sqrt{10}}$.

Câu 48: Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm trên $\mathbb{R}$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau



Hàm số $g(x) = f(x^2 - x)$ đồng biến trên khoảng nào?

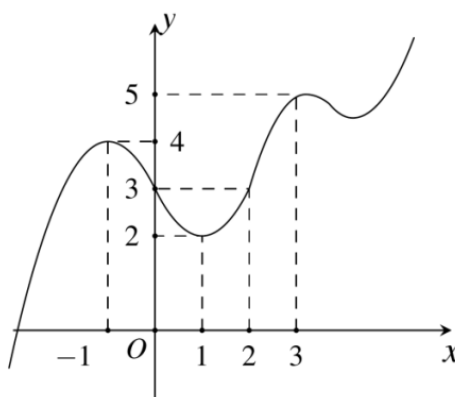
A. $(1; 2)$.

B. $\left(\frac{1}{2}; 1\right)$.

C. $(-\infty; -1)$.

D. $\left(-1; \frac{1}{2}\right)$.

Câu 49: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ và có đồ thị như hình vẽ sau



Gọi M , m lần lượt giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = f(|x - 2|)$ trên đoạn $[-1, 5]$. Giá trị của $M + m$ bằng

A. 9.

B. 7.

C. 1.

D. 8.

Câu 50: Cho hình lăng trụ $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác vuông tại A , $AB = 1$, $BC = 2$. Hình chiếu vuông góc của điểm A' trên mặt phẳng (ABC) là trung điểm của BC . Khoảng cách giữa hai đường thẳng $B'C'$ và $A'B$ bằng

A. $\frac{\sqrt{3}}{2}$.

B. $\frac{1}{2}$.

C. 1.

D. $\sqrt{3}$.

----- HẾT -----

Mã đề: 132

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25
A					
B					
C					
D					

	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
A										
B										
C										
D										

	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A															
B															
C															
D															

ĐÁP ÁP MÃ ĐỀ 132

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	B	Câu 11	D	Câu 21	B	Câu 31	A	Câu 41	D
Câu 2	C	Câu 12	A	Câu 22	C	Câu 32	A	Câu 42	B
Câu 3	A	Câu 13	B	Câu 23	C	Câu 33	C	Câu 43	B
Câu 4	B	Câu 14	D	Câu 24	B	Câu 34	B	Câu 44	D
Câu 5	C	Câu 15	D	Câu 25	A	Câu 35	A	Câu 45	D
Câu 6	C	Câu 16	D	Câu 26	D	Câu 36	D	Câu 46	C
Câu 7	A	Câu 17	D	Câu 27	A	Câu 37	B	Câu 47	C
Câu 8	B	Câu 18	A	Câu 28	B	Câu 38	A	Câu 48	D
Câu 9	C	Câu 19	A	Câu 29	D	Câu 39	A	Câu 49	B
Câu 10	A	Câu 20	D	Câu 30	C	Câu 40	D	Câu 50	A

Mã đề: 209

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

A																			
B																			
C																			
D																			

	21	22	23	24	25
A					
B					
C					
D					

	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
A										
B										
C										
D										

	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A															
B															
C															
D															

ĐÁP ÁP MÃ ĐỀ 209

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	C	Câu 11	B	Câu 21	B	Câu 31	C	Câu 41	D
Câu 2	D	Câu 12	A	Câu 22	C	Câu 32	A	Câu 42	A
Câu 3	D	Câu 13	D	Câu 23	B	Câu 33	C	Câu 43	B
Câu 4	C	Câu 14	C	Câu 24	C	Câu 34	D	Câu 44	D
Câu 5	D	Câu 15	A	Câu 25	D	Câu 35	B	Câu 45	B
Câu 6	A	Câu 16	B	Câu 26	C	Câu 36	A	Câu 46	C
Câu 7	D	Câu 17	A	Câu 27	B	Câu 37	C	Câu 47	D
Câu 8	C	Câu 18	A	Câu 28	C	Câu 38	D	Câu 48	B
Câu 9	A	Câu 19	D	Câu 29	D	Câu 39	B	Câu 49	B
Câu 10	B	Câu 20	B	Câu 30	A	Câu 40	D	Câu 50	A

Mã đề: 357

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25
A					

B					
C					
D					

	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
A										
B										
C										
D										

	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A															
B															
C															
D															

ĐÁP ÁP MÃ ĐỀ 357

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	C	Câu 11	A	Câu 21	A	Câu 31	D	Câu 41	B
Câu 2	C	Câu 12	D	Câu 22	B	Câu 32	A	Câu 42	A
Câu 3	A	Câu 13	B	Câu 23	D	Câu 33	A	Câu 43	C
Câu 4	D	Câu 14	B	Câu 24	C	Câu 34	C	Câu 44	B
Câu 5	B	Câu 15	B	Câu 25	C	Câu 35	D	Câu 45	D
Câu 6	D	Câu 16	D	Câu 26	B	Câu 36	A	Câu 46	D
Câu 7	A	Câu 17	C	Câu 27	C	Câu 37	D	Câu 47	C
Câu 8	A	Câu 18	C	Câu 28	D	Câu 38	A	Câu 48	B
Câu 9	B	Câu 19	D	Câu 29	D	Câu 39	B	Câu 49	D
Câu 10	B	Câu 20	A	Câu 30	B	Câu 40	C	Câu 50	D

Mã đề: 485

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25
A					
B					
C					
D					

	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
A										
B										
C										
D										

	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A															
B															
C															
D															

ĐÁP ÁP MÃ ĐỀ 485

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 11	A	Câu 21	D	Câu 31	A	Câu 41	B
Câu 2	B	Câu 12	B	Câu 22	C	Câu 32	A	Câu 42	B
Câu 3	D	Câu 13	C	Câu 23	A	Câu 33	D	Câu 43	D
Câu 4	C	Câu 14	C	Câu 24	D	Câu 34	C	Câu 44	D
Câu 5	C	Câu 15	D	Câu 25	A	Câu 35	B	Câu 45	C
Câu 6	A	Câu 16	A	Câu 26	C	Câu 36	C	Câu 46	C
Câu 7	B	Câu 17	C	Câu 27	A	Câu 37	B	Câu 47	D
Câu 8	B	Câu 18	A	Câu 28	D	Câu 38	A	Câu 48	A
Câu 9	B	Câu 19	D	Câu 29	B	Câu 39	C	Câu 49	C
Câu 10	B	Câu 20	B	Câu 30	D	Câu 40	D	Câu 50	C